TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Mạnh và ông Vũ Minh Huấn

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2025/TLST- HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tẩn Lở M - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn S, xã M, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tẩn Lở M: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Tẩn Láo L - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn S, xã M, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025, bản tự khai ngày 14/10/2025 của chị Tẩn Lở M và trong quá trình giải quyết vụ án chị Tẩn Lở M trình bày: Chị và anh Tẩn Láo L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 29/12/2015 anh chị đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã M, tỉnh Lào Cai). Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng

15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh Tẩn Láo L thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn và thường gây sự rồi đánh mắng chị, do không chịu được khi bị anh Tẩn Láo L mắng chửi, nên chị trốn về nhà bố mẹ đẻ, nhưng anh Tẩn Láo L vẫn tìm đến tận nơi để đánh mắng chị, xúc phạm bố mẹ chị và đập phá đồ đạc trong nhà bố mẹ chị. Khi mâu thuẫn xảy ra chị đã tha thứ và khuyên nhủ anh Tẩn Láo L nhiều lần với mong muốn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, để cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng anh Tẩn Láo L không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị đã tự sống ly thân với anh Tẩn Láo L từ tháng 01/2025, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tẩn Láo L.

Đối với bị đơn anh Tẩn Láo L, tại bản tự khai ngày 30/10/2025 anh xác nhận đúng là anh và chị Tẩn Lở M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 29/12/2015 anh chị đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã M, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh uống rượu, chị M không hài lòng, ngoài ra vợ chồng anh còn mâu thuẫn trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, có lúc không kiềm chế được anh đã tát chị M. Do mâu thuẫn không khắc phục được nên chị Tẩn Lở M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị sống ly thân ít quan tâm đến nhau. Nay chị Tẩn Lở M khởi kiện xin ly hôn anh, anh không nhất trí. Anh đề nghị Tòa án hòa giải, hàn gắn cho anh chị để vợ chồng bảo ban nhau làm ăn, nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung cháu Tẩn Lù M, sinh ngày 26/6/2008 và cháu Tẩn Tả D, sinh ngày 19/4/2012, hiện các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, các cháu đang ở cùng chị Tẩn Lở M. Khi ly hôn chị Tẩn Lở M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu Tẩn Lù M và Tẩn Tả D cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Tẩn Láo L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tẩn Láo L không nhất trí ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, về con chung anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Các cháu có nguyện vọng ở với anh hay ở với chị Tẩn Lở M anh đều nhất trí, nếu các cháu ở với anh thì anh không yêu cầu chị Tẩn Lở M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nếu các cháu ở với chị Tẩn Lở M anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L đều xác nhận, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 30 tháng 10 năm 2025 cháu Tẩn Lù M và cháu Tẩn Tả D đều có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Tẩn Lở M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn gia đình, thu nhập cá nhân. Bị đơn đã cung cấp chứng cứ chứng minh về nhân thân.

Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì chị Tẩn Lở M có đơn từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tẩn Lở M trình bày: Chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L chung sống không hạnh phúc, anh Tẩn Láo L không tu chí làm ăn, anh chị bất đồng trong làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên đầu năm 2025 chị Tẩn Lở M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Tẩn Lở M ly hôn anh Tẩn Láo L. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị Tẩn Lở M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tẩn Lù M, sinh ngày 26/6/2008 và cháu Tẩn Tả D, sinh ngày 19/4/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tẩn Láo L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Chị Tẩn Lở M thuộc hộ nghèo. Vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tẩn Lở M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Tẩn Lở M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Tẩn Láo L, sinh năm 1986 địa chỉ: Thôn S, xã M, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Căn cứ vào Điều 35 sửa đổi bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân khu vực 7 – Lào Cai. Nguyên đơn chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do anh Tẩn Láo L không tu chí làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hòa thuận, hạnh phúc. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị Tẩn Lở M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị đã tự sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Chị Tẩn Lở M đã cung cấp chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình theo lời trình bày của chị là đúng sự thật. Anh Tẩn Láo L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh cũng thừa nhận anh và chị Tẩn Lở M có mâu thuẫn, nhưng anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dậy con chung, song anh cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã tự sống ly thân nhau đã lâu, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Tẩn Lở M ly hôn với anh Tẩn Láo L.

[3]. Về con chung: Chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L có hai người con chung là cháu Tẩn Lù M, sinh ngày 26/6/2008 và cháu Tẩn Tả D, sinh ngày 19/4/2012, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay các cháu đang ở cùng chị Tẩn Lở M. Khi ly hôn chị Tẩn Lở M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Tẩn Lù M và cháu Tẩn Tả D đến tuổi trưởng thành. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tẩn Lở M đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ, chứng minh hiện chị đang là lao động tự do tại địa phương, mức thu nhập bình quân đối với lao động nam và lao động nữ tại địa phương nơi chị sinh sống từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày. Anh Tẩn Láo L không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Tẩn Lù M và Tẩn Tả D, xuất phát từ quyền, lợi ích mọi mặt của các cháu và nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Tẩn Lù M và cháu Tẩn Tả D cho chị Tẩn Lở M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Tẩn Lở M không yêu cầu anh Tẩn Láo L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết;

[4].Về tài sản chung: Chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị Tẩn Lở M và anh Tẩn Láo L không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Tẩn Lở M có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ Giấy chứng nhận hộ nghèo số 108/GCN-HN.HCN ngày 02/01/2025 của UBND xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã M, tỉnh Lào Cai) xác nhận hộ gia đình chị Tẩn Lở M là hộ nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tẩn Lở M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tẩn Lở M ly hôn anh Tẩn Láo L. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Tẩn Lù M, sinh ngày 26/6/2008 và cháu Tẩn Tả D, sinh ngày 19/4/2012 cho chị Tẩn Lở M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tẩn Láo L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Tẩn Láo L có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tẩn Lở M được miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9

Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7 – Lào Cai (02);
- Đương sự (2)
- UBND xã M, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THS DS khu vực 7 - Lào Cai;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng